TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hường

2. Bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình– Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXX- ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1983 - Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 12, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 - Có đơn xin xét xử vắng mặt

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 12, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại xã T, huyện Y, tỉnh B vào ngày 05/3/2002. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và mâu thuận nghiêm

trọng từ chuyện kinh tế gia đình. Hiện nay ông Nguyễn Văn T đang đi chấp hành án tại Trại giam Đ, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk do phạm tội "Giết người" và bị xử phạt 15 năm tù,.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Văn X, sinh ngày 23/01/2003 và Nguyễn Thị S, sinh ngày 08/4/2005 hiện nay đã trưởng thành, các cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, nên bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Nay Tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc. Tôi xin trình bày ý kiến bằng văn bản đối với đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị V như sau:

Tôi và bà Nguyễn Thị V đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại xã T, huyện Y, tỉnh B vào ngày 05/3/2002. Sau khi về chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Năm 2021 tôi phạm tội "Giết người" nên bỏ trốn đến năm 2022 thì bị bắt và bị xử phạt 15 năm tù, hiện nay đang đi chấp hành án tại Trại giam Đ, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Nguyễn Thị V xin được ly hôn với tôi, thì tôi đồng ý đề nghị Tòa án cho hai vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Văn X, sinh ngày 23/01/2003 và Nguyễn Thị S, sinh ngày 08/4/2005 hiện nay các cháu đã trưởng thành, có thể tự quyết định cuộc sống riêng của mình, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay tôi đang chấp hành án tại Trại giam Đ, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, không thể lên tòa giải quyết ly hôn với chị V được.

Vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi tại tất cả các buổi làm việc tại tòa án và tôi giữ nguyên ý kiến trình bày trên.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Cháu Nguyễn Văn X, sinh ngày 23/01/2003 và cháu Nguyễn Thị S, sinh ngày 08/4/2005 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống riêng của mình, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu, nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V đề ngày 16/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Nguyễn Thị V làm đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn T, cư trú tại, Thôn 12, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 05/3/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh B đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng. Quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn và có nguyện vọng xin được ly hôn.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Thời gian trước đây bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nguyễn Văn T thường xuyên đánh bạc, nên vay mượn tiền dẫn tới mâu thuẫn. Sau đó năm 2021 phạm tội "Giết người", hiện nay đang chấp hành 15 năm tù tại trại giam Đ - Bộ Công An. Nay bà Nguyễn Thị V làm đơn xin ly hôn ông Nguyễn Văn T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T đã đến mức trầm trọng, cho tới nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà Nguyễn Thị V xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn. Còn ông Nguyễn Văn T hiện nay đang chấp hành hình phạt 15 năm tù tại trại giam Đ - Bộ Công An và cũng đồng ý ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T có 2 con chung là cháu Nguyễn Văn X, sinh ngày 23/01/2003 và cháu Nguyễn Thị S, sinh ngày 08/4/2005 hiện nay đã đến tuổi trưởng thành, có thể tự quyết định cuộc sống riêng của mình, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Cháu Nguyễn Văn X, sinh ngày 23/01/2003 và cháu Nguyễn Thị S, sinh ngày 08/4/2005 đã trưởng thành, các cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0016913 ngày 27/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, bị đơn ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Pắc;*
- *THADS huyện K;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Chu Anh Hùng